

Số: 09 /TB-TQK

Quận 12, ngày 02 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường THCS Trần Quang Khải HK2 - Năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 7238/UBND-GDĐT-TC ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận;

Căn cứ hướng dẫn số 4103/HDLS/BHXH-GDĐT ngày 01/08/2023 của BHXH Thành phố về mức thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên NH2023-2024;

Căn cứ Công văn số 1418/GDĐT-PT ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Phòng giáo dục về việc phê duyệt các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường THCS Trần Quang Khải NH 2023 - 2024 ;

Trường THCS Trần Quang Khải xây dựng kế hoạch thu, sử dụng học phí và thu khác tại đơn vị năm học 2023-2024 như sau:

I. NỘI DUNG THU, MỨC THU:

1. Thu học phí:

Nội dung	Mức thu	Ghi chú
Học phí (đồng/học sinh/9 tháng)		Không thu theo CV 14/SGDĐT- KHTC ngày 03/01/2024

2. Thu các khoản phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khoá:



Nội dung	Mức thu
Học phí học buổi 2 / ngày trong nhà trường K6,7,8 (đồng/ tiết/ học sinh) K9	
Học phí lớp tự chọn tin học K9 (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	46.000
Học phí tiếng Anh bản ngữ - Khối 6,7,8 (đồng/học sinh/tháng) 8 tiết/tháng	180.000
Giáo dục kỹ năng sống - Khối 6,9 (đồng/học sinh/4 tiết/tháng)	69.000
Học phí stem K7,9 (đồng /học sinh /tháng)	90.000

3. Thu tổ chức các lớp học theo đề án “ nâng cao năng lực , kiến thức , kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông TPHCM theo định hướng chuẩn Quốc tế , giai đoạn 2021-2030 : IC3

Nội dung	Mức thu
Học phí IC3 K6,7,8 (62 tiết) (đồng/ tiết/ học sinh/ tháng))	133.000

4. Thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

Nội dung	Mức thu
Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	
Bảo hiểm tai nạn học sinh (đồng/học sinh/12 tháng)	
Ấn chỉ hồ sơ học sinh (đồng/học sinh/năm học)	50.000
Nước uống học sinh 1 buổi (đồng/học sinh/tháng/ 9 tháng)	10.000
Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu (đồng/ học sinh/năm)	22.000
Phần mềm trực tuyến ôn luyện (đồng/ học sinh/tháng)	45.000

II. SỬ DỤNG:

1. Tiền Học phí:

- Chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ, thanh toán cá nhân, trợ cấp, phụ cấp, chi các hoạt động thuê tư vấn, thẩm định đấu thầu, chi phí tham gia các lớp nâng cao, bồi dưỡng theo kế hoạch của ngành,...) và chi trả lương, các khoản đóng góp theo lương của giáo viên, nhân viên. Chi trợ cấp Tết. Dành một phần kinh phí chi thu nhập tăng thêm cho người làm việc theo chế độ hợp đồng do đơn vị trực tiếp ký hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ, mức chi tối đa 03 triệu đồng/người/tháng.

- Chi trả tiền thuê giáo viên thỉnh giảng trong trường hợp ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà đơn vị không thể bố trí giáo viên khác dạy thay, mức tiền thuê giáo viên thỉnh giảng được khoán chi là từ 70.000 đồng/ tiết đến 100.000 đồng/ tiết tùy theo điều kiện kinh phí nhà trường cân đối chi trả.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

2. Các khoản thu - chi phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

2.1. Nguồn thu tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn:

* Mức thu: 46.000 đ/HS/tháng

* Nội dung chi:

- Chi hỗ trợ cho giáo viên Tin học tự chọn đối với số tiết dạy vượt quy định thực hiện theo Thông tư số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013; trả tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương nếu hợp đồng giáo viên Tin học; thỉnh giảng giáo viên dạy Tin học tự chọn với định mức 70.000đ/tiết;

- Chi không quá 15% hỗ trợ công tác quản lý và nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4; trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động, mua sắm, sửa chữa;

Phần còn lại chi hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2% tổng thu) theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

2.2. Nguồn thu tổ chức dạy Kỹ năng sống:

* Mức thu: 69.000 đồng/học sinh/tháng

* Nội dung chi:

Chi 70% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo Kỹ năng sống

Chi 30% để lại đơn vị cho các nội dung sau :

Chi từ 15% đến 16% hỗ trợ công tác quản lý và nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ; trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động, mua sắm, sửa chữa;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

2.3. Nguồn thu tổ chức Giáo dục Stem:

* Mức thu: 90.000 đồng/học sinh/tháng

* Nội dung chi:

Chi 90% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo Stem.

Chi 10% để lại đơn vị cho các nội dung sau :

Chi từ 7% đến 8% hỗ trợ công tác quản lý và nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ; trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động, mua sắm, sửa chữa;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.



2.4. Nguồn thu tổ chức học bơi:

* Mức thu: 120.000 đồng/học sinh/tháng (Không bao gồm cấp giấy chứng nhận bơi)

* Nội dung chi:

- Chi 80% trả đơn vị đào tạo học bơi.

- Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau :

+ Chi không quá 15% hỗ trợ ban tổ chức hoạt động dạy và học môn bơi lội, quản lý và bộ phận gián tiếp. + Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; giáo viên thể dục tham gia quản lý học sinh (nếu có) hệ số 1.0/ người , trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động , mua sắm , sửa chữa;

+ Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...), dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

2.5. Nguồn thu tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài:

* Mức thu: 180.000 đồng/học sinh/tháng

* Nội dung chi:

Chi 80% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo học ngoại ngữ với người nước ngoài.

Chi 20% để lại đơn vị cho các nội dung sau :

Chi từ 15% đến 16% hỗ trợ công tác quản lý và nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị , Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ; trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động , mua sắm , sửa chữa;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

3. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các đề án

- Nguồn thu tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học theo định hướng chuẩn quốc tế” (Tin học IC3):

* Mức thu: 133.000đồng/60tiết/học sinh/tháng

Nội dung chi:

Chi 90% trả đơn vị ký hợp đồng đào tạo tin học IC3.

Chi 10% để lại đơn vị cho các nội dung sau :

Chi từ 7% đến 8% hỗ trợ cho công tác quản lý, nhân viên gián tiếp. Cụ thể: Hiệu trưởng hệ số 2; Phó Hiệu trưởng, Kế toán hệ số 1,5, Thủ quỹ, phụ trách kế toán hệ số 1,0; Tổng phụ trách, Y tế, Văn thư, Học vụ, Thư viện, Chuyên trách thiết bị (nếu có), Giám thị, Bảo vệ, Phục vụ hệ số 0,4 ; trường hợp chi không hết bổ sung chi hoạt động, mua sắm, sửa chữa;

Phần còn lại hỗ trợ các hoạt động của đơn vị (điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại, internet, mua sắm, sửa chữa nhỏ,...); dành một phần hỗ trợ chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của nhân viên hợp đồng, chi nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Hướng dẫn tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của bộ Tài chính về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì thực hiện trích 40%/ phần chênh lệch để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương. Phần tiết kiệm còn lại thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư 56/2022/TT-BTC.

4. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

4.1. Tiền học phẩm:

Mức thu : 50.000đ/học sinh/ năm

Chi mua đề kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, phù hiệu, bìa bao học bạ, học bạ, mực in, giấy A3, A4.... cho học sinh, thuê máy pho to ...

4.2. Tiền nước uống:

* Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng

* Nội dung chi: Chi trả tiền nước uống học sinh cho đơn vị cung cấp.

4.3. Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (Bao gồm khám nha học đường):

* Mức thu: 22.000 đồng/học sinh/năm học

* Nội dung chi: Chi trả 100% tiền khám sức khỏe học sinh.

4.4. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Phần mềm ôn luyện:

* Mức thu: 45.000 đồng/học sinh/tháng

* Nội dung chi:

Chi 100% trả đơn vị ký hợp đồng cung cấp tài khoản.

4. Các nguồn thu sự nghiệp khác.

4.1. Nguồn thu công tác thu nộp, phát hành thẻ BHYT (1,8%):

- Chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

- Phần còn lại chi hỗ trợ toàn bộ cho bộ phận quản lý và giáo viên, nhân viên thực hiện vận động thu (Cụ thể: 1% chi cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán

quỹ, Y tế; 1% chi cho giáo viên chủ nhiệm thực hiện vận động thu theo tỷ lệ học sinh đóng BHYT)

4.2. Nguồn căn tin, giữ xe:

- Chi đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất theo quy định.

- Sau khi trừ các chi phí thuế, thực hiện trích 40%/ số còn lại để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

- Hỗ trợ hoạt động, điện nước, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm của đơn vị.

- Trường hợp cuối năm sau khi trừ các khoản chi phí liên quan nếu chênh lệch thu lớn hơn chi thì phần tiết kiệm được thực hiện theo quy định về sử dụng kinh phí của đơn vị tự chủ tài chính được quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

4.3 Nguồn thu chăm sóc sức khỏe ban đầu:

* Mức thu: theo Hướng dẫn Liên sở số 4103/HDLs/BHXH-GDDĐT ngày 01/8/2023 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm Xã hội thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

* Nội dung chi: Phần chăm sóc sức khỏe học sinh ban đầu: 5%, thực hiện như sau:

+ Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho học sinh khi bị tai nạn thương tích và các bệnh thông thường trong thời gian học;

+ Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại đơn vị;

+ Chi mua văn phòng phẩm, tủ tài liệu phục vụ việc quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh bao gồm cả mua sổ theo dõi sức khỏe học sinh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh;

+ Chi mua sách, tài liệu, dụng cụ phục vụ hoạt động tuyên truyền, giảng dạy, giáo dục ngoại khoá về chăm sóc, tư vấn sức khỏe, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình tại đơn vị;

+ Chi mua nước sát khuẩn, xà phòng, khẩu trang... phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

3.1 Trên cơ sở mức thu, giao bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm tổng hợp xây dựng mức thu theo quy định, trường hợp có chênh lệch với mức tạm thu đề nghị trình hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch điều chỉnh (tăng hoặc giảm) mức thu và thông báo cụ thể đến từng phụ huynh học sinh .

3.2 Giao bộ phận quản lý Website đăng thông báo công khai trên trang Web của trường, giao giáo viên chủ nhiệm thông báo nội dung công khai các khoản thu đến từng phụ huynh học sinh theo quy định. Bộ phận văn phòng có trách nhiệm phát hành thông báo và dán bảng thông tin đề phụ huynh được thông tin đầy đủ nội dung thu theo qui định của nhà trường .

Trên đây thông báo công khai các khoản thu, sử dụng học phí và thu khác của Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải hk 2 năm học 2023-2024, đề nghị các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu

vướng mắc, khó khăn, đề nghị các bộ phận báo cáo về Hiệu trưởng (thông qua bộ phận Kế toán) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Thông báo bảng , Website
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Vân

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUÝ ĐÌNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
 Học kỳ II Năm học 2023 - 2024 KHỐI 6

Stt	Nội dung thu khối 6	Số tháng	Mức thu		Ghi chú	K6	K7	K8	K9
			Theo tháng	Theo HK					
1	Học phí qui định			0	Không thu				
2	Tin học tự chọn			0	Không thu				
3	Học buổi 2 / ngày			0	Không thu				
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ (4 tháng)	4	180.000	720.000	(2 tiết/ tuần x 16 tuần)	0	0	0	0
5	Học phí kỹ năng sống (4 tháng)	4	69.000	276.000	(1 tiết/ tuần)	720.000	720.000	720.000	0
6	Stem				Không thu	276.000			
7	Học phí tin học quốc tế IC3	5	133.000	665.000	60 tiết		360.000		
8	Tiền học bơi (năm học)			0	Không thu	665.000	665.000	665.000	
9	Tiền ăn chi ấn phẩm (năm học)			0	Không thu	0	0	0	0
10	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	5	10.000	50.000	05 tháng (T01 đến T05)	0	0	0	0
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)			0	Không thu	50.000	50.000	50.000	0
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	04 tháng	0	0	0	0
Cộng				437.000		1.891.000	1.891.000	1.891.000	1.891.000

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2023-2024 trước ngày 30/01/2024.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUÝ ĐÌNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
 Học kỳ II Năm học 2023 - 2024 KHỐI 7

Stt	Nội dung thu khối 7	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định			0	Không thu
2	Tin học tự chọn			0	Không thu
3	Học buổi 2 / ngày			0	Không thu
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ (4 tháng)	4	180.000	720.000	(2 tiết/ tuần x 16 tuần)
5	Học phí kỹ năng sống			0	Không thu
6	Stem	4	90.000	360.000	(1 tiết/ tuần)
7	Học phí tin học quốc tế IC3	5	133.000	665.000	60 tiết
8	Tiền học bơi			0	Không thu
9	Tiền ăn chi ấn phẩm (năm học)			0	Không thu
10	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	5	10.000	50.000	05 tháng (T01 đến T05)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)			0	Không thu
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	04 tháng
Cộng			458.000	1.975.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2023-2024 trước ngày 30/01/2024.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUỸ DỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
 Học kỳ II Năm học 2023 - 2024 KHỐI 8

Stt	Nội dung thu khối 8	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định			0	Không thu
2	Tin học tự chọn			0	Không thu
3	Học buổi 2 / ngày			0	
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ (4 tháng)	4	180.000	720.000	(2 tiết/ tuần x 16 tuần)
5	Học phí kỹ năng sống			0	Không thu
6	Stem			0	Không thu
7	Học phí tin học quốc tế IC3	5	133.000	665.000	60 tiết
8	Tiền học bơi			0	Không thu
9	Tiền ăn chi ăn phẩm (năm học)			0	Không thu
10	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	5	10.000	50.000	05 tháng (T01 đến T05)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)			0	Không thu
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	04 tháng
Cộng			368.000	1.615.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2023-2024 trước ngày 30/01/2024.

THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ QUỸ DỊNH VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
 Học kỳ II Năm học 2023 - 2024 KHỐI 9

Stt	Nội dung thu khối 9	Số tháng	Mức thu		Ghi chú
			Theo tháng	Theo HK	
1	Học phí qui định			0	Không thu
2	Tin học tự chọn (5 tháng)	5	46.000	230.000	05 tháng (T01 đến T05)
3	Học buổi 2 / ngày			0	Không thu
4	Học phí tiếng Anh bản ngữ			0	Không thu
5	Học phí kỹ năng sống (4 tháng)	4	69.000	276.000	(1 tiết/ tuần)
6	Stem	4	90.000	360.000	(1 tiết/ tuần)
7	Học phí tin học quốc tế IC3			0	Không thu
8	Tiền học bơi			0	Không thu
9	Tiền ăn chi ăn phẩm (năm học)			0	Không thu
10	Tiền nước uống học sinh (5 tháng)	5	10.000	50.000	05 tháng (T01 đến T05)
11	Tiền khám sức khoẻ hs ban đầu (năm học)			0	Không thu
12	Tiền phần mềm trực tuyến ôn luyện (4 tháng)	4	45.000	180.000	04 tháng
Cộng			260.000	1.096.000	

Lưu ý: Học sinh thuộc diện con hộ nghèo vui lòng nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo HK2/2023-2024 trước ngày 30/01/2024.